

Số: 56 /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 - 2020

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số:.....2105.....
ĐẾN	Ngày: 13/3/17
	Chuyên:.....

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (viết tắt là MTQG) giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 21/HĐND-KTNS ngày 07/02/2017, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay; mục tiêu chiến lược của chương trình là nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người nghèo, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, địa bàn và giữa các dân tộc, nhóm dân cư trong xã hội. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã xác định giảm nghèo bền vững là một trong ba nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên tại 06 huyện miền núi của tỉnh; Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ ba, khóa XIX đã kết luận đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở 06 huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.

Thực hiện Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và nhằm đảm bảo việc quản lý tập trung, công khai, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2016-2020 đạt

hiệu quả cao, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Vì vậy, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 (*viết tắt là dự thảo Nghị quyết*) là rất cấp thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết nhằm góp phần thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh; làm căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Thực hiện cụ thể hóa quy định của trung ương cho phù hợp với đặc điểm tự nhiên, quy mô dân số, số lượng hộ nghèo, tình hình thực tế của từng huyện miền núi, khả năng cân đối nguồn lực của địa phương và gắn liền nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020.

- Thực hiện đúng trách nhiệm của cơ quan nhà nước ở địa phương trong việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật để cụ thể hóa quy định của trung ương; quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết phải đúng quy định của pháp luật hiện hành, thực hiện theo đúng nguyên tắc, thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 21/HĐND-KTNS ngày 07/02/2017, UBND tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự thảo Nghị quyết.

Sau khi xây dựng hoàn thành nội dung dự thảo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương có liên quan bằng văn bản. Đồng thời, đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức và cá nhân đối với nội dung dự thảo Nghị quyết. Sau khi tiếp thu ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan có liên quan, Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020 chủ trì họp nghe, cho ý kiến chỉ đạo hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị quyết và cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020 đã tiếp thu, chọn lọc, chỉnh sửa và bổ sung hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị quyết và trình UBND tỉnh họp cho ý kiến, thông qua vào ngày 10/3/2017.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được xây dựng dưới hình thức ban hành kèm theo quy định, trong đó gồm 03 điều.

2. Nội dung cơ bản

a) Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020.

b) Tổ chức thực hiện.

c) Hiệu lực thi hành.

Kính trình HĐND tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 5 xem xét, quyết nghị (kèm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020)./.

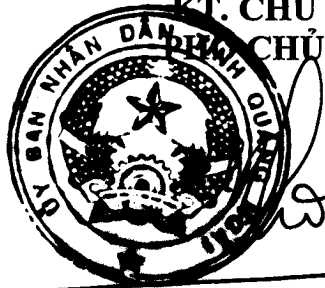
Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, CBTH;
- Lưu: VT, KT.dat59.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Phạm Trường Thọ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG NGÃI **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số

/2017

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2017



NGHỊ QUYẾT

Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XII – KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XII, tại kỳ họp thứ 5.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày tháng 3 năm 2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 4 năm 2017./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBND tỉnh;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh, UBNDTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH và ĐBQH bầu ở tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, Hội, đoàn thể tỉnh, VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG NGÃI **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2017/NQ-HĐND
 ngày tháng năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020 là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

Đây là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và tỉ lệ vốn đối ứng của kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành và các cấp chính quyền địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020.

4. Ưu tiên bố trí vốn cho các huyện miền núi, các xã bãi ngang ven biển, xã đảo, xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), xã an toàn khu (ATK); vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn

Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020 gồm 04 nhóm sau đây:

1. Tiêu chí dân số và dân tộc thiểu số.
2. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo.
3. Tiêu chí diện tích đất tự nhiên.
4. Tiêu chí về đơn vị hành chính.

Điều 5. Xác định hệ số của từng tiêu chí theo từng Dự án

1. Dự án 01: Chương trình 30a

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo

- Phạm vi và đối tượng hỗ trợ: Các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP.

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí 1: Dân số và dân tộc thiểu số

Dân số	Hệ số
Huyện có quy mô dân số dưới 5.000 hộ	0,15

Huyện có quy mô dân số từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,17
Huyện có quy mô dân số từ 10.000 hộ đến dưới 15.000 hộ	0,20
Huyện có quy mô dân số từ 15.000 hộ đến dưới 20.000 hộ	0,22
Huyện có quy mô dân số từ 20.000 hộ trở lên	0,24

Quy mô dân số của huyện để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

Dân tộc thiểu số	Hệ số
Huyện có quy mô dân tộc thiểu số dưới 5.000 hộ	0,15
Huyện có quy mô dân tộc thiểu số từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,17
Huyện có quy mô dân tộc thiểu số từ 10.000 hộ đến dưới 12.000 hộ	0,20
Huyện có quy mô dân tộc thiểu số từ 12.000 hộ đến dưới 15.000 hộ	0,22
Huyện có quy mô dân s tộc thiểu số từ 15.000 hộ trở lên	0,24

Quy mô hộ dân tộc thiểu số của huyện để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Tiêu chí 2: Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo	Hệ số
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 40%	0,18
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 40% đến dưới 45%	0,20
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 45% đến dưới 60%	0,22
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 60% đến dưới 75%	0,24
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 75% trở lên	0,26

Quy mô hộ nghèo	Hệ số
Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 2.500 hộ	0,18
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 2.500 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,20
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,22
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ đến dưới 8.000 hộ	0,24
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 8.000 hộ trở lên	0,26

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của huyện để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

Tiêu chí 3: Diện tích đất tự nhiên

Diện tích đất tự nhiên	Hệ số
Huyện có tổng diện tích tự nhiên dưới 30.000 ha	0,08
Huyện có tổng diện tích tự nhiên từ 30.000 ha đến dưới 50.000 ha:	0,10
Huyện có tổng diện tích tự nhiên từ 50.000 ha đến dưới 70.000 ha	0,12
Huyện có tổng diện tích tự nhiên từ 70.000 ha đến dưới 100.000 ha	0,14
Huyện có tổng diện tích tự nhiên từ 100.000 ha trở lên	0,16

Diện tích đất tự nhiên của huyện để tính toán hệ số được xác định theo số liệu diện tích đất tự nhiên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo công bố của Cục Thống kê tỉnh.

Tiêu chí 4: Đơn vị hành chính

Đơn vị hành chính	Hệ số
Huyện có số xã từ 5 xã đến dưới 7 xã	0,10
Huyện có số xã từ 7 xã đến dưới 10 xã	0,12
Huyện có số xã từ 10 xã đến dưới 15 xã	0,14
Huyện có số xã từ 15 xã trở lên	0,16

Đơn vị hành chính cấp xã của huyện để tính toán hệ số được xác định theo số liệu đơn vị hành chính cấp xã tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo công bố của Cục thống kê tỉnh.

- Phương pháp tính định mức phân bổ vốn:

+ Đối với vốn đầu tư phát triển: Tổng vốn đầu tư cho một huyện nghèo theo Nghị quyết 30a = A x X

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện (triệu đồng).

X: Tổng các hệ số theo 04 nhóm tiêu chí (hệ số theo dân số + hệ số theo dân tộc thiểu số + hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo + hệ số theo diện tích đất tự nhiên + hệ số theo số đơn vị hành chính).

+ Đối với kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển.

b) Tiêu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo

- Phạm vi và đối tượng hỗ trợ:

Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các tiêu chí cụ thể:

Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Định mức phân bổ vốn :

+ Về vốn đầu tư phát triển: Định mức phân bổ hoạt động hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo: thấp nhất 01 tỷ đồng/xã/năm (trong quá trình thực hiện, tùy thuộc vào khả năng cân đối ngân sách trung ương, tăng định mức phân bổ vốn đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo cho phù hợp).

+ Về kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 6,3% tổng vốn hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng/xã/năm.

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (kinh phí sự nghiệp).

- Đối tượng hỗ trợ:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo;

+ Nhóm hộ, cộng đồng dân cư trên địa bàn;

+ Tổ chức và cá nhân có liên quan;

+ Tạo điều kiện để người lao động là đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

- Phạm vi hỗ trợ:

+ Các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP.

+ Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Định mức phân bổ vốn:

+ Các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP: được xác định như Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thuộc chương trình 30a.

+ Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo: 0,3 tỷ đồng/xã/năm.

d) Tiểu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (kinh phí sự nghiệp)

- Phạm vi hỗ trợ:

+ Các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP;

+ Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối tượng hỗ trợ: Lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động cư trú dài hạn trên địa bàn các huyện, nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; ưu tiên đối tượng lao động là thanh niên chưa có việc làm, đặc biệt là thanh niên thuộc hộ dân tộc thiểu số nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Các tiêu chí cụ thể:

Tỷ lệ hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo	Hệ số
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 40%	0,18
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 40% đến dưới 45%	0,20
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 45% đến dưới 60%	0,22
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 60% đến dưới 75%	0,24
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 75% trở lên	0,26

Quy mô hộ nghèo

Quy mô hộ nghèo	Hệ số
Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 2.500 hộ	0,18
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 2.500 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,20
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,22
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ đến dưới 8.000 hộ	0,24
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 8.000 hộ trở lên	0,26

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của huyện để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

- Phương pháp tính định mức phân bổ vốn:

+ Tổng nguồn vốn kinh phí sự nghiệp thực hiện Tiểu dự án 4= A x X

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện (triệu đồng).

X: Tổng các hệ số theo 02 nhóm tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

2. Dự án 02: Chương trình 135

a) Tiểu dự án 01: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã ĐBKK, xã ATK, các thôn, bản ĐBKK.

- Phạm vi hỗ trợ và đối tượng hỗ trợ:

Các xã ĐBKK, xã ATK, các thôn, bản ĐBKK theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí về xã (xã khu vực III, khu vực II, khu vực I; xã an toàn khu);

Tiêu chí về thôn đặc biệt khó khăn;

Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo;

Tiêu chí về tỷ lệ người dân tộc thiểu số.

- Cách tính hệ số các tiêu chí:

Tiêu chí về xã:

Đối với xã	Hệ số (H1)
Cứ mỗi xã khu vực III là xã an toàn khu được tính	10
Cứ mỗi xã khu vực III	9,5
Cứ mỗi xã khu vực II là xã an toàn khu được tính	9,0
Cứ mỗi xã khu vực I là xã an toàn khu được tính	8,0

- Tiêu chí về thôn đặc biệt khó khăn:

Số thôn đặc biệt khó khăn	Hệ số (H2)
Cứ 01 thôn đặc biệt khó khăn được tính	1,8
Cứ 01 thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã ATK được tính	2,0

Danh sách xã khu vực III, xã ATK, các thôn, bản ĐBKK theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo của huyện	Hệ số (H3)
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo bằng tỷ lệ chung của tỉnh	0,00
Lớn hơn hoặc bằng 3 lần tỷ lệ chung của tỉnh	0,02
Lớn hơn hoặc bằng 4 lần tỷ lệ chung của tỉnh	0,03
Lớn hơn hoặc bằng 5 lần tỷ lệ chung của tỉnh	0,04
Cao hơn 5 lần tỷ lệ chung của tỉnh	0,05

Tỷ lệ hộ nghèo của huyện để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

Tiêu chí về tỷ lệ người dân tộc thiểu số:

Tỷ lệ dân tộc thiểu số	Hệ số (H4)
Dưới 20%	0,03

Từ 20% đến dưới 30%	0,04
Từ 30% đến dưới 50%	0,05
Từ 50% đến dưới 70%	0,06
Từ 70% đến dưới 90%	0,07
Từ 90% trở lên	0,08

- Phương pháp tính định mức phân bổ vốn:

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số Hệ số của từng huyện; tổng Hệ số của các huyện thực hiện Chương trình 135 sử dụng ngân sách trung ương làm căn cứ phân bổ vốn như sau:

Tổng hệ số các nội dung của 01 huyện (Y)

$$Y = (H1 + H2) \times (1+H3+H4).$$

Tổng Hệ số của Chương trình (N)

$$N = \text{Tổng Hệ số của các huyện cộng lại.}$$

Tổng mức vốn được phân bổ của Chương trình (M)

$$M = \text{Tổng vốn đầu tư phát triển} + \text{Tổng kinh phí sự nghiệp}$$

Xác định mức phân bổ vốn:

Mức vốn bình quân phân bổ cho 01 Hệ số (K)

$$K = M : N$$

Số vốn phân bổ cho từng huyện (X):

$$X = K \times Y$$

b) Tiểu dự án 02: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã ĐBKK, xã biên giới, xã ATK, các thôn, bản ĐBKK.

- Phạm vi hỗ trợ: Các xã ĐBKK, xã ATK, các thôn, bản ĐBKK theo Quyết định của cấp có thẩm quyền

- Đối tượng hỗ trợ:

+Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

+Nhóm hộ cộng đồng dân cư trên địa bàn, tổ chức cá nhân có liên quan.

+Đối tượng sau cai nghiện, nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ buôn bán trở về thuộc hộ nghèo tham gia dự án.

- Phương pháp tính định mức phân bổ vốn: được xác định như Tiểu dự án Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã ĐBKK, xã ATK, các thôn bản ĐBKK

c) Tiểu dự án 03: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã ĐBKK, xã biên giới, xã ATK, các thôn, bản ĐBKK.

- Phạm vi hỗ trợ: Các xã ĐBKK, xã ATK, các thôn, bản ĐBKK theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Đối tượng hỗ trợ: Cộng đồng, cán bộ cơ sở các xã ĐBKK, xã ATK, các thôn, bản ĐBKK.

- Phương pháp tính định mức phân bổ vốn: được xác định như Tiểu dự án Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã ĐBKK, xã ATK, các thôn bản ĐBKK.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 (kinh phí sự nghiệp)

a) Phạm vi hỗ trợ: Các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Nhóm hộ, cộng đồng dân cư trên địa bàn; tổ chức cá nhân có liên quan.

- Tạo điều kiện để người lao động là đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ buôn bán trở về thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

c) Tiêu chí cụ thể:

Tỷ lệ hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo	Hệ số
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%	0,5
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% trở lên	0,7

Quy mô hộ nghèo

Quy mô hộ nghèo	Hệ số
Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 5.000 hộ	0,5
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 5.000 hộ trở lên	0,7

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của huyện để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

d) Phương pháp tính:

Tổng vốn bố trí cho một huyện = A x N x X

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một xã (triệu đồng)

N: Số xã ngoài Chương trình 135 và Chương trình 30a trên địa bàn tỉnh

X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

4. Dự án 4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (kinh phí sự nghiệp)

a) Phạm vi hỗ trợ: Các đơn vị, địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020, ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc miền núi.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Người dân, cộng đồng dân cư. Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Các tiêu chí và định mức phân bổ vốn: được xác định như Dự án 3; tại điểm d Khoản 3 của quy định này. Trong đó: N là số xã thuộc Chương trình 135 và Chương trình 30a trên địa bàn tỉnh.

5. Dự án 5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình (kinh phí sự nghiệp)

a) Phạm vi hỗ trợ: Các đơn vị, địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020, ưu tiên xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc miền núi.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Đối với hoạt động nâng cao năng lực: Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp (cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), ưu tiên nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

- Đối với công tác giám sát đánh giá: Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Các tiêu chí và định mức phân bổ vốn: Được xác định như Dự án nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã ĐBKK, xã ATK, các thôn bản ĐBKK. Trong đó: N là số xã thuộc Chương trình 135 và Chương trình 30a trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020

Ngoài nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương, căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, các cấp chính quyền địa phương bố trí vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác trên địa bàn hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm

nghèo bền vững theo mục tiêu kế hoạch hằng năm và 5 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hằng năm, ngân sách địa phương (tỉnh, huyện) đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình (các huyện đồng bằng: Ngân sách huyện 5%, ngân sách tỉnh 10%; các huyện miền núi: Ngân sách huyện 2%, ngân sách tỉnh 13%); thực hiện theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức tại Quy định này./.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân